

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 26/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi.

2. Bà Vương Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Gia Lai và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam khu vực A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Đinh Văn N; tên gọi khác: không; sinh ngày 20/02/1984, tại xã Đ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai; số Căn cước: 064084002855, cấp ngày 12/8/2024; nghề nghiệp: nguyên Phó Chủ tịch HĐND xã Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn S, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Đinh Thị Ý, sinh năm 1954 (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; có vợ là Đinh Thị T, sinh năm 1983; có 02 con sinh năm 2006 và 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/5/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực A – Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G. Có mặt.

*** Bị hại:** Công ty TNHH Một thành viên L; Địa chỉ: thôn S, xã Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Quốc T1, sinh năm 1983 – Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Một thành viên L, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Chị Đinh Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Trương Quốc C, sinh năm 1985; Địa chỉ: làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Cao Thị Mi S1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T2. Có mặt.

** Người phiên dịch tiếng Bana:* Anh A K, sinh năm 2005; địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3/2025, trong quá trình phát dọn rẫy của Đinh Văn N tại làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai thì từ ngày 13/3/2025 đến ngày 15/3/2025, với mục đích để có đất canh tác nên N đã có hành vi chặt phá rừng liền kề sát rẫy. N đã sử dụng cưa xăng, dao, rựa chặt, phát dọn hết toàn bộ các cây gỗ, bụi rậm, dây leo trên diện tích 3.220m² rừng tại lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B lâm phần do Công ty TNHH MTV L quản lý.

Ngày 25/3/2025, anh Trương Quốc C – là nhân viên bảo vệ rừng thuộc Công ty TNHH MTV L đi tuần tra bảo vệ rừng phát hiện tại lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B lâm phần do Công ty quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ có diện tích rừng bị chặt phá. Kết quả xác minh, xác định Đinh Văn N là đối tượng đã thực hiện hành vi huỷ hoại diện tích rừng nêu trên nên đã báo cáo lãnh đạo Công ty trình báo với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G.

Nhận được nguồn tin, ngày 03/4/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G (PC03) phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang (nay là VKSND khu vực 14), Hạt kiểm lâm K1, Phòng PC09 Công an tỉnh G và Công an xã Đ khám nghiệm hiện trường và tiến hành các hoạt động điều tra xác minh.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ huỷ hoại rừng trái pháp luật có tọa độ trung tâm: OX 493344; OY 1594861 thuộc lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B lâm phần do Công ty TNHH MTV L quản lý, địa giới hành chính xã Đ, tỉnh Gia Lai; quy hoạch rừng đặc dụng; trạng thái rừng thường X1 (TXB). Vị trí hiện trường cách UBND xã Đ về hướng Đông Bắc khoảng 2,4km theo đường chim bay.

Vị trí vụ huỷ hoại rừng trái pháp luật có giới cận như sau: Phía Bắc giáp rẫy cà phê; Phía Nam giáp đất nông nghiệp; Phía Tây giáp rừng tự nhiên; Phía Đông giáp khe suối.

Qua đo vẽ diện tích, đo đếm số lượng, khối lượng cây gỗ bị cắt hạ trên diện tích vi phạm xác định: Diện tích rừng bị huỷ hoại 3.220m² (ba ngàn hai trăm hai mươi mét vuông); tổng số cây gỗ chặt hạ 44 cây, trong đó: 12 cây có

đường kính từ 10cm trở lên (gồm các cây số 1, 5, 6, 8, 9, 13, 14, 16, 32, 33, 35, 40 trong phiếu đo đếm gốc chặt) có khối lượng gỗ thiệt hại là $1,119\text{m}^3$ và 32 cây có đường kính dưới 10cm (gồm các cây số 2, 3, 4, 7, 10, 11, 12, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 34, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 trong phiếu đo đếm gốc chặt) có khối lượng củi thiệt hại là 1,134 ster.

Dấu vết phương tiện, dụng cụ dùng để phá rừng: Là dấu vết cưa, dấu vết chặt tại vị trí các gốc cây có tại hiện trường.

Hiện trạng rừng bị phá các cây gỗ, cây bụi bị chặt, cắt hạ đồ ngã ngổ ngang, thân, cành lá đã khô héo; cây bị cắt hạ có đường kính trung bình mặt cắt gốc từ 08cm đến 28cm; loài cây bị chặt hạ gồm: Giỏi, Bời lời, Ba bét, X, M, Hu đay, Sòi tía, Sp5; các cây gỗ bị cắt hạ thân, cành đã bị dập, téc không còn giá trị sử dụng. Thời gian diện tích rừng bị phá vào khoảng tháng 3 năm 2025 (có sơ đồ hiện trường, phiếu đo đếm gốc chặt kèm theo).

Kết quả giám định: Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 28/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh G giám định tư pháp các nội dung theo Quyết định trưng cầu giám định số: 2665/QĐ-CSKT của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G, kết luận:

- Hiện trạng rừng, loại rừng đối với diện tích 3.220m^2 bị huỷ hoại tại lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B, xã Đ, tỉnh Gia Lai: Loại rừng là *rừng đặc dụng*; hiện trạng rừng: Thường X1 (TXB) theo Quyết định số: 106/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh G công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng và hiện trạng rừng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định số: 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại lô 6, khoảnh D, tiểu khu B loại rừng là quy hoạch rừng đặc dụng; trạng thái rừng: thường X1 (TXB).

- Qua kiểm tra thực tế và kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 03/4/2025, tại vị trí rừng bị huỷ hoại có khối lượng là $1,119\text{m}^3/3.220\text{m}^2$ tương đương $3,475\text{m}^3/\text{ha}$ và $1,134\text{ ster}/3.220\text{m}^2$ tương đương $3,521\text{ ster}/\text{ha}$. Theo Thông tư số: 33/2018/TT-BNNPTNT quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 7 vị trí rừng bị huỷ hoại tại lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B thuộc loại *rừng chưa có trữ lượng “đ) Rừng chưa có trữ lượng: Trữ lượng cây đứng dưới $10\text{m}^3/\text{ha}$ ”*.

Kết quả định giá: Ngày 19/6/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 284/YC-CSKT yêu cầu Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện K (cũ) tiến hành định giá thiệt hại về rừng, thiệt hại về môi trường và thiệt hại phải bồi thường đối với diện tích rừng bị huỷ hoại.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 28/6/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện K, kết luận:

- Giá trị thiệt hại của khối lượng gỗ, củi: $1,119\text{m}^3$, có đường kính ngọn từ 10cm trở lên, tại thời điểm tháng 3/2025: 949.966 đồng (chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng);

- Giá trị thiệt hại của khối lượng gỗ, củi: $0,794\text{m}^3$ quy đổi thành 1,134ster có đường kính ngọn dưới 10cm, tại thời điểm tháng 3/2025: 113.990 đồng (một trăm mười ba nghìn, chín trăm chín mươi đồng);

Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại: 1.063.956 đồng (một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng);

- Đối với nội dung xác định giá trị thiệt hại diện tích 3.220m^2 rừng bị huỷ hoại tại thời điểm tháng 3/2025 và nội dung xác định giá trị thiệt hại về môi trường đối với rừng tự nhiên bị huỷ hoại tại thời điểm tháng 3/2025; Vị trí huỷ hoại rừng thuộc loại rừng đặc dụng; hiện trạng rừng thường xanh trung bình. Căn cứ điểm a, mục 1, phần I, phụ lục XIII, Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh về khung giá rừng trên địa bàn xã Đ, khung giá rừng áp dụng cho trữ lượng rừng từ mức $60\text{m}^3/\text{ha}$ - $600\text{m}^3/\text{ha}$; theo kết luận giám định tư pháp của Sở NN&MT thì rừng chưa có trữ lượng, trữ lượng cây đứng dưới $10\text{m}^3/\text{ha}$; do đó không có cơ sở để Hội đồng định giá xác định nội dung này.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng, đồ vật tài liệu sau:

- 01 (một) cửa xăng, màu đỏ - đen (không rõ chủng loại); 01 (một) xích cửa bằng kim loại; 01 (một) lam cửa bằng kim loại dài 70cm. 01 (một) rựa dài 59cm; cán bằng gỗ dài 32cm, đường kính cán gỗ 03cm, đầu cán gỗ có khuy sắt bằng kim loại; lưỡi bằng kim loại dài 27cm, nơi rộng nhất là 4,5cm. 01 (một) dao dài 44cm; cán bằng gỗ dài 13cm, đường kính cán gỗ tại vị trí lớn nhất 03cm, hai đầu có khuy sắt bằng kim loại; lưỡi dao bằng kim loại dài 31cm, nơi rộng nhất là 5,5cm. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh tiến hành nhập kho vật chứng để phục vụ điều tra.

- Số lượng cây gỗ thu giữ tại hiện trường gồm: 12 thân cây có đường kính từ 10cm trở lên và 32 thân cây có đường kính dưới 10cm (không tính khối lượng gỗ). Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Công ty TNHH MTV L theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/8/2025, ông Lâm Quốc T1 – Trưởng phòng Kỹ thuật, đại diện theo uỷ quyền của bị hại Công ty TNHH MTV L có đơn không yêu cầu bị cáo Đinh Văn N bồi thường về dân sự. Tuy nhiên, ngày 15/8/2025, theo sự tác động của bị cáo Đinh Văn N, chị Đinh Thị T (vợ bị cáo) đã nộp cho Công ty tiền bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 1.100.000 đồng (Theo Phiếu thu ngày 15/8/2025).

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 25/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đinh Văn N về tội “*Huỷ hoại rừng*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đinh Văn N về tội “*Hủy hoại rừng*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm điểm g khoản 2 Điều 243; các điểm b, s và v khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn N từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ đối với 01 rựa, 01 dao và tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 cưa xăng, 01 xích cưa bằng kim loại, 01 lam cưa bằng kim loại.

- Về án phí: Bị cáo thuộc diện được miễn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Đinh Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thống nhất với cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo uỷ quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T không có yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các tình tiết định tội, định khung và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa không đồng ý với đề nghị của Kiểm sát viên về tình tiết tăng nặng “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*”. Ngoài ra, người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ như: “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra tại địa bàn xã Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố, điều tra thuộc Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, truy tố và xét xử thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng khu vực 14, tỉnh Gia Lai. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm

quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Kết luận điều tra, bản Cáo trạng và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định:

Trong các ngày từ 13 đến 15/3/2025, bị cáo Đinh Văn N đã sử dụng cưa xẻng, dao, rựa chặt, phát dọn toàn bộ các cây gỗ, bụi rậm, dây leo trên diện tích 3.220m² rừng tại lô 6, khoảnh 4, tiểu khu B thuộc lâm phần do Công ty TNHH MTV L quản lý, thuộc loại rừng đặc dụng; trong đó làm thiệt hại 44 cây gỗ thuộc các loại: Giổi, Bời lời, Ba bét, X, M, H đay, Sòi tía, Sp5 với tổng trị giá là 1.063.956 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi chặt phá ngày 10/3/2025 mới chỉ bị nhắc nhở, bị cáo đã chấm dứt ngay hành vi, không có biểu hiện bất chấp sự ngăn chặn và chưa cấu thành tội phạm. Hành vi chặt phá 3.220 m² rừng từ ngày 13 đến 15/3/2025 là hành vi phạm tội đã được định lượng theo điểm g khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Trong suốt thời gian này không có ai phát hiện, ngăn cản và đến ngày 25/3/2025 mới bị phát hiện. Do đó, không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” như Viện kiểm sát đề nghị.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về giá trị lâm sản, mà quan trọng hơn là đã làm mất đi diện tích 3.220m² rừng đặc dụng – loại rừng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với môi trường sinh thái, phòng hộ và lợi ích công cộng. Thiệt hại về môi trường, về khả

năng tái tạo rừng, về đa dạng sinh học không thể đo đếm bằng giá trị tài sản thông thường. Do đó, không thể coi trường hợp này là “gây thiệt hại không lớn”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo đã tác động vợ bị cáo bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác được nhiều cấp khen thưởng (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của B, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh G); bị cáo có cha và mẹ là người có công với cách mạng (cả cha và mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước); bị cáo là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của UBND xã Đ); tại phiên tòa đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại các điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt.

[3.4] Về hình phạt:

Xét các căn cứ quyết định hình phạt như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có hành vi huỷ hoại diện tích 3.220m² rừng đặc dụng. Như đã phân tích, đây là loại rừng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về môi trường sinh thái, phòng hộ, bảo tồn thiên nhiên. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn, gây ảnh hưởng tiêu cực trong dư luận xã hội tại địa phương vốn đang tiềm ẩn tình trạng lấn chiếm đất rừng để sản xuất. Vì vậy, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi là nghiêm trọng, đòi hỏi phải xử lý bằng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên của người bào chữa.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 dao và 01 rựa là công cụ phạm tội, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cửa xăng, 01 lam cửa, 01 xích cửa là công cụ phạm tội, có giá trị nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 44 cây gỗ đã thu giữ tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH MTV L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 1.100.000 đồng bồi thường thiệt hại. Bị hại là Công ty TNHH MTV L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[6] Về trách nhiệm của đơn vị chủ quản lý rừng: Công ty TNHH MTV L đã phân công lực lượng quản lý, bảo vệ rừng. Sau khi được phân công, tổ trưởng đã xây dựng kế hoạch, phân công lịch trực, lịch tuần tra trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và cho các hộ dân xung quanh khu vực rừng ký cam kết không có hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng. Do địa bàn rộng, trong khi lực lượng mỏng và còn kiêm nhiệm công tác chuyên môn khác nên không thường xuyên có mặt tại tất cả các vị trí rừng được phân công để thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, tổ công tác trong quá trình tuần tra đã chủ động phát hiện vụ việc và đối tượng vi phạm, lập biên bản kịp thời báo cáo và phối hợp xử lý. Công ty đã tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm, tránh để xảy ra vụ việc tương tự về sau. Ngoài ra, thiệt hại dưới 100.000.000 đồng nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G không xem xét xử lý đối với các cá nhân liên quan về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 243; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 28/5/2025.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) rựa dài 59cm; cán bằng gỗ dài 32cm, đường kính cán gỗ 03cm, đầu cán gỗ có khuy sắt bằng kim loại; lưỡi bằng kim loại dài 27cm, nơi rộng nhất là 4,5cm và 01 (một) dao dài 44cm; cán bằng gỗ dài 13cm, đường kính cán gỗ tại vị trí lớn nhất 03cm, hai đầu có khuy sắt bằng kim loại; lưỡi dao bằng kim loại dài 31cm, nơi rộng nhất là 5,5cm;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) cửa xăng, màu đỏ - đen (không rõ chủng loại); 01 (một) xích cửa bằng kim loại; 01 (một) lam cửa bằng kim loại dài 70cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Gia Lai)

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn N.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 14;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT; Phân trại tạm giam;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thanh Nga